

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN THÀNH  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/4/2021

V/v: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - NGHỆ AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Quang Sơn.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hân và ông Nguyễn Sỹ Tồ

Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ an.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2021/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2021 về "Tranh chấp hôn nhân & Gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị M - sinh năm 197

Địa chỉ cư trú: xóm - xã B Thành - huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An. Hiện tạm trú: Xóm 6, xã Bắc Thành, huyện Yên Thành, Nghệ An (có mặt).

**2. Bị đơn:** anh Trần Văn H - sinh năm 197

Địa chỉ cư trú: xóm - xã B Thành - huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An. (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2021, tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Trần Văn H tự do tìm hiểu và đi đến kết hôn vào ngày 10 tháng 12 năm 1992 tại UBND xã Bắc Thành, huyện Yên Thành. Quá trình sinh sống do bị cháy nhà nên các giấy tờ cũng bị cháy trong đó có đăng ký kết hôn nên chị và anh H đã ra UBND xã Bắc Thành, huyện Yên Thành để đăng ký lại vào ngày 09/4/2015. Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc được 01 thời gian rất dài đến 20 năm nhưng kể từ năm 2009 đến nay vợ chồng sống không hạnh phúc do anh H không chung thủy, có quan hệ ngoài luồng với kẻ toán trường Bảo Thành kéo dài đến 12 năm. Chị đã khuyên nhủ nhiều lần để vợ chồng chung sống hạnh phúc trở lại. Năm 2020 anh H vẫn chứng nào tặc nấy

không chịu thay đổi, gây nhiều đau khổ cho vợ con, mặt khác còn hay đánh đập chị, chửi bới thô tục nhiều lần. Chị phát hiện anh H tiếp tục theo gái ngày 16 tháng 01 năm 2021 tại xã Diên Thành, Diên Châu. Lần tiếp ngày 22/02/2021 chị bắt gặp anh H tại khách sạn Mường Thanh và sau đó về tại Hợp Thành thì anh H thả cô đó để cô ta bắt xe buýt đi về, cũng từ ngày đó chị và con gái về bên ngoại sống và ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn H. Đợt vừa rồi sau khi hòa giải ở Tòa án về anh H có nhắn tin bằng zalo để mong chị quay về, anh H hứa sửa đổi rất nhiều nhưng hiện tại chị đã mất niềm tin ở anh H nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

**+/Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung là Trần Văn H sinh ngày 27/01/199 và Trần Thị Thu H sinh ngày 29/8/200, cháu Hưng thì đã trưởng thành và có công việc làm ổn định còn cháu H đang học lớp 11 nên khi ly hôn chị M đề nghị được nuôi cháu H. Nếu được nuôi cháu H chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

**+/Về tài sản chung:** Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Văn H trình bày: Anh và chị M kết hôn vào ngày 09/4/2015 (do mất đăng ký kết hôn và đăng ký lại) nhưng chúng tôi chung sống với nhau từ năm 1992 trên phương diện tự nguyện với nhau để xây dựng gia đình. Đến bây giờ vợ chồng anh chị đã có 02 con là Trần Văn H sinh năm 199 và Trần Thị Thu H, sinh ngày 29/8/200, vợ chồng sống hạnh phúc đến nay. Về tình cảm anh H đang yêu thương chị M như trước, trong cuộc sống anh có những lúc có sai lầm với vợ con anh xin nhận và hứa sẽ sửa đổi không bao giờ lặp lại nữa. Trong cuộc sống vợ chồng có đôi lúc va chạm, anh H công nhận anh có tát chị M một lần nhưng đó là lần anh uống rượu say không làm chủ được mình. Vì vậy anh H không muốn bỏ vợ con vì anh đang yêu thương và có trách nhiệm với gia đình. Anh H mong muốn vợ và các con bỏ qua lỗi lầm cho anh để cứu lấy gia đình mình. Anh đã sửa đổi rất nhiều và anh khẳng định hiện tại anh không có việc theo gái nữa.

**+/ Về con chung:** Anh H và chị M có 02 con chung là Trần Văn H sinh năm 199 và Trần Thị Thu sinh ngày 29/8/200. Vì anh đang còn tình cảm với vợ con nên anh H có trách nhiệm nuôi con thành người.

**+/Về tài sản chung:** và anh Trần Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

**+/*Về tố tụng:*** Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình (HNGĐ) được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành.

**+/*Về quan hệ hôn nhân:***

Xét hôn nhân giữa chị M và anh H là hợp pháp, tuân thủ theo quy định của pháp luật. Song qua xem xét thực tế thì thấy rằng cuộc sống chung của vợ chồng thời gian gần đây không hạnh phúc, mâu thuẫn liên tục xảy ra và thực sự căng thẳng, trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ án, chị M có cung cấp một bản cam kết ngày 06/02/2020 giữa anh H, chị M và người làm chứng là cháu Trần Thị Thu Hà với 09 nội dung là “ Đem không đi chơi; sống chung thủy với vợ con, không trai gái; không đánh đập vợ, con; không chửi bới, xúc phạm vợ con; không xúc phạm đàng ngoài, nội; cho mẹ cài gu gô mép theo dõi qua máy điện thoại để chứng tỏ lòng chung thủy với vợ, con; đưa hết bìa đất cho mẹ cầm; công khai lương tháng cho vợ biết để có kế hoạch để nuôi con; không được khóa cửa phòng ngủ, cửa ô tô. Nếu không thực hiện được 01 trong các điều trên thì tùy vợ, con xử lý. Quá trình giải quyết vụ án anh H công nhận anh vẫn có sai lầm trong chuyện quan hệ trai gái nhưng hiện tại không còn nữa, anh H cũng công nhận có đánh chị M nhưng đó là lần say rượu anh không làm chủ được mình và mong chị M tha thứ. Đối với chị M chị cho rằng anh H chỉ được việc nói chứ không thực hiện được những lời hứa. Bằng chứng là vào ngày 16/01/2021 chị M phát hiện anh H đưa gái đi xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu và ngày 22/02/2021 chị M bắt gặp anh H tại khách sạn Mừng Thanh sau đó chở cô gái đó về tại địa phận xã Hợp Thành và thả cô gái đó xuống xe để cô ta bắt xe về. Cũng kể từ ngày đó chị và con gái không còn niềm tin vào anh H nữa và đã về bên ngoại sinh sống. Nay anh H có bao biện gì chị cũng không tin anh H nữa. Anh H cho rằng anh có lỗi với chị M nhưng đã sửa chữa được, mong muốn chị M bỏ qua, anh H không bỏ vợ con, còn chị M nhất quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã kiên trì hòa giải, phân tích nhưng chị M nhất quyết ly hôn không muốn hòa giải nữa. Vì vậy Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

**+/*Về con chung:*** Chị M và anh H có hai con chung là Trần Văn H sinh ngày 27/01/19 và Trần Thị Thu H sinh ngày 29/8/200. Hiện nay cháu Hưng đã trưởng thành và có công ăn việc làm ổn định, chỉ còn cháu H đang ở tuổi ăn học nên chị M đề nghị được nuôi cháu H, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con, cháu H có nguyện vọng được ở với chị M. Anh H tôn trọng quyết định và nguyện vọng của con, con muốn ở với ai tùy con lựa chọn

**+/*Về tài sản chung:*** Chị M và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

**+Về án phí:** Chị M phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Chị M đã nộp tiền tạm ứng án phí.

**Vì các lẽ trên**

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng điều 28, điều 35; điều 147; 266; 271; 273, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51, điều 56; điều 58; điều 81; điều 82; điều 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:** Cho được ly hôn với anh Trần Văn H.

**- Về con chung:** Giao con chung là Trần Thị Thu H sinh ngày 29/8/2000 cho trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H do chị M chưa yêu cầu.

Anh Trần Văn H không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại chăm sóc, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

**- Về án phí:** Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí của chị M được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do chị M đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0002885, ngày 24/3/2021.**

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Phan Quang Sơn***

